

Hướng dẫn giải sách bài tập Toán lớp 6 tập 1 bài 13: Bội và ước của một số nguyên kèm công thức và lời giải chi tiết cho từng bài tập giúp các em học sinh ôn tập các dạng bài xoay quanh chương 2: Số nguyên. Sau đây mời các em tham khảo lời giải chi tiết

1. Giải câu 1 bài 13 SBT Toán lớp 6 tập 1

Tìm 5 bội của 2 và -2:

Đáp án:

Bội của 2 và -2 đều có dạng $2k$ với $k \in \mathbb{Z}$

Vậy năm bội của 2 và -2 là: $\{2; -2; 4; -4; 6\}$

2. Giải câu 2 bài 13 Toán lớp 6 tập 1 SBT

Tìm tất cả các ước của -2; 4; 13; 15; 1

Đáp án:

$$U(-2) = \{-2; -1; 1; 2\}$$

$$U(4) = \{-4; -2; -1; 1; 2; 4\}$$

$$U(13) = \{-13; -1; 1; 13\}$$

$$U(15) = \{-15; -5; -3; -1; 3; 5; 15\}$$

$$U(1) = \{1; -1\}$$

3. Giải câu 3 bài 13 Toán lớp 6 SBT tập 1

Cho hai tập số: $A = \{4; 5; 6; 7; 8\}$; $B = \{13; 14; 15\}$

a, Có thể lập được bao nhiêu tổng dạng $(a + b)$ với $a \in A; b \in B$

b, Trong các tổng trên, có bao nhiêu tổng chia hết cho 3?

Đáp án:

Các giá trị của a, b và $a + b$ được thể hiện trong bảng sau:

a \ b	4	5	6	7	8
13	17	18	19	20	21
14	18	19	20	21	22
15	19	20	21	22	23

a, Có 15 tổng với 7 giá trị khác nhau được tạo thành

b, Có 5 tổng với 2 giá trị khác nhau chia hết cho 3

4. Giải câu 4 bài 13 SBT Toán 6 tập 1

Tìm số nguyên x, biết:

a, $12 \cdot x = -36$

b, $2 \cdot |x| = 16$

Đáp án:

a, $12 \cdot x = -36 \Rightarrow x = (-36) : 12 \Rightarrow x = -3$

b, $2 \cdot |x| = 16 \Rightarrow |x| = 16 : 2 \Rightarrow |x| = 8 \Rightarrow$ hoặc $x = 8$ hoặc $x = -8$

5. Giải câu 5 bài 13 Toán 6 tập 1 SBT

Điền vào ô trống:

a	36	<input type="text"/>	3	-32	0	-8
b	-12	-4	<input type="text"/>	$ -16 $	5	1
a : b	<input type="text"/>	4	-1	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>

Đáp án:

a	36	<input type="text" value="-16"/>	3	-32	0	-8
b	-12	-4	<input type="text" value="-3"/>	$ -16 $	5	1
a : b	<input type="text" value="-3"/>	4	-1	<input type="text" value="-2"/>	<input type="text" value="0"/>	<input type="text" value="-8"/>

6. Giải câu 6 bài 13 Toán 6 SBT tập 1

Tìm hai cặp số nguyên a, b khác nhau sao cho $a : b$ và $b : a$

Đáp án:

* Với mọi số nguyên a khác 0. Số đối của a là $-a$ và ta có:

$a = (-1).(-a)$ và $(-a) = (-1).a$

Suy ra: a chia hết cho $(-a)$ và ngược lại $(-a)$ chia hết cho a .

Hay nói cách khác hai số đối nhau và khác 0 đều có tính chất số thứ nhất chia hết cho số thứ hai và số thứ hai chia hết cho số thứ nhất.

Ví dụ: $3 : (-3)$ và $(-3) : 3$

$11 : (-11)$ và $(-11) : 11$

7. Giải câu 7 bài 13 SBT Toán lớp 6 tập 1

Điền chữ “Đ” (đúng) hoặc “S” (sai) vào các ô vuông:

a. $(-36) : 2 = -18$	<input type="checkbox"/>	b. $600 : (-15) = -4$	<input type="checkbox"/>
c. $27 : (-1) = 27$	<input type="checkbox"/>	d. $(-65) : (-5) = 13$	<input type="checkbox"/>

Đáp án:

a. $(-36) : 2 = -18$	<input type="checkbox"/> Đ
b. $600 : (-15) = -4$	<input type="checkbox"/> S
c. $27 : (-1) = 27$	<input type="checkbox"/> S
d. $(-65) : (-5) = 13$	<input type="checkbox"/> Đ

8. Giải câu 8 bài 13 Toán 6 tập 1 SBT

Tính giá trị của biểu thức:

a. $[(-23).5] : 5$

b. $[32.(-7)] : 32$

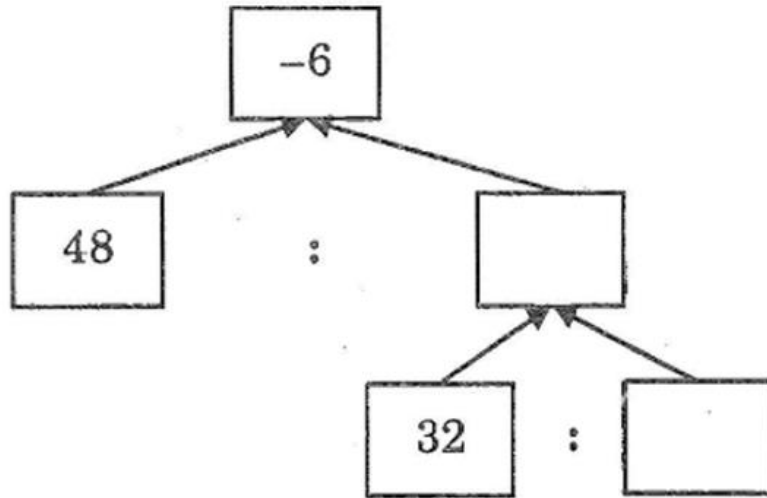
Đáp án:

a. $[(-23).5] : 5 = (-23).(5 : 5) = (-23).1 = -23$

b. $[32 \cdot (-7)] : 32 = (-7) \cdot (32 : 32) = (-7) \cdot 1 = -7$

9. Giải câu 9 bài 13 SBT Toán lớp 6 tập 1

Điền số thích hợp vào ô trống trong hình sau:



Đáp án:

